**SẢN LƯỢNG ĐIỆN TIÊU THỤ KHỐI CÁC CƠ QUAN HCSN THÁNG 05 (TĂNG 2,09%)**

*(Ban hành kèm theo Công văn số /SCT-QLNL ngày /6/2024 của Sở Công Thương)*

Trong tháng 5/2024 sản lượng điện thương phẩm tiêu thụ khối các cơ quan hành chính sự nghiệp trên địa bàn tỉnh là 4,15 triệu kWh, tăng 2,09% so với cùng kỳ, tương ứng tăng 0,85 triệu kWh. Trong đó, sản lượng điện khối cơ quan hành chính của Huyện Cao lộc giảm so với cùng kỳ, sản lượng giảm 94.021 kWh, tương ứng giảm 14,79%. Các huyện còn lại đều có sản lượng tháng cao hơn cùng kỳ. Tăng cao nhất là các huyện Chi Lăng (tăng 39.132 kwh, tỷ lệ tăng 13,8%), thành phố Lạng Sơn (tăng 51.992 kWh, tỷ lệ tăng 4,14%), huyện Hữu Lũng (tăng 36.144 kWh, tỷ lệ tăng 7,11%. Qua theo dõi, trong số 3.445 đơn vị, có 1.455 đơn vị có sản lượng giảm so với cùng kỳ, chiếm 42,24% và có 1.990 đơn vị tăng, chiếm 57,76%.

Các cơ quan Sở, ban, ngành trực thuộc tỉnh có mức tiêu thụ điện ≥100kWh/ tháng là 52 cơ quan. Trong đó, các cơ quan đơn vị có sản lượng điện giảm so với cùng kỳ là Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc Hội và HĐND tỉnh, sản lượng tiêu thụ 8.125 kWh, giảm 37,77%; Sở Nội vụ tỉnh, sản lượng tiêu thụ 3.409 kWh, giảm 33,14%; Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh, sản lượng tiêu thụ 4.482 kWh, giảm 27,31% … Bên cạnh đó, một số cơ quan có sản lượng điện tiêu thụ điện tháng 5 tăng cao so với cùng kỳ, đặc biệt có đơn vị tăng 100,53%.

Thực hiện văn bản chỉ đạo số 531/UBND-KT ngày 23/4/2024 của UBND Tỉnh Lạng sơn về việc *đẩy mạnh tiết kiệm điện và đảm bảo cung cấp điện trong mùa nắng nóng năm 2024 trên địa bàn Tỉnh*, đề nghị các cơ quan kiểm soát tình hình sử dụng điện của đơn vị và có kế hoạch sử dụng điện tiết kiệm theo kế hoạch số 148/KH-UBND ngày 04/7/2023 của UBND tỉnh Lạng Sơn v/v thực hiện Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 08/6/2023 của Thủ tướng Chính phủ. Cụ thể: (i) Xây dựng, phổ biến và tổ chức thực hiện các quy định nội bộ về tiết kiệm điện, quy tắc về sử dụng điện tiết kiệm, an toàn và hiệu quả trong cơ quan, đơn vị. Đảm bảo hằng năm tối thiểu tiết kiệm 5,0% tổng điện năng tiêu thụ theo kế hoạch số 148/KH-UBND ngày 04/7/2023 của UBND tỉnh Lạng Sơn; (ii) Tuân thủ các quy định về chiếu sáng tiết kiệm và hiệu quả; quy định về sử dụng, bảo dưỡng và sửa chữa các trang thiết bị điện tại cơ quan, đơn vị; (iii) Tận dụng tối đa ánh sáng và thông gió tự nhiên tại phòng làm việc; Điều chỉnh điều hòa ở nhiệt độ từ 26°C trở lên; Tắt điện khi ra khỏi phòng, tắt nguồn điện máy tính, máy in, máy photocopy, các thiết bị tiêu thụ điện khác khi hết giờ làm việc tại trụ sở làm việc.

**Chi tiết sử dụng điện của các cơ quan HCSN khối sở ban ngành** **có sản lượng điện tiêu thụ từ 100 kWh trở lên**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Tên cơ quan/đơn vị** | **Sản lượng** | | | **So sánh** | | | |
| **Tháng 05/2024 (kWh)** | **Tháng 04/2024 (kWh)** | **Tháng 05/2023 (kWh)** | **Cùng kỳ** | | **Tháng liền kề** | |
| **Sản lượng (kWh)** | **Tỷ lệ (%)** | **Sản lượng (kWh)** | **Tỷ lệ (%)** |
| 1 | Đảng Ủy Khối Các Cơ Quan Tỉnh | 3.116 | 2.814 | 1.294 | 1.822 | 140,80 | 302 | 10,73 |
| 2 | Ban Tiếp công dân tỉnh | 1.311 | 1.307 | 768 | 543 | 70,70 | 4 | 0,31 |
| 3 | Sở Tài chính tỉnh Lạng Sơn | 13.840 | 10.800 | 8.480 | 5.360 | 63,21 | 3.040 | 28,15 |
| 4 | BQL dự án ĐTXD các công trình NN và PTNT | 970 | 832 | 603 | 367 | 60,86 | 138 | 16,59 |
| 5 | Ủy Ban Kiểm Tra | 3.439 | 2.556 | 2.271 | 1.168 | 51,43 | 883 | 34,55 |
| 6 | Ban Dân Vận Tỉnh Ủy | 2.890 | 2.217 | 1.922 | 968 | 50,36 | 673 | 30,36 |
| 7 | Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch | 4.270 | 3.556 | 2.891 | 1.379 | 47,70 | 714 | 20,08 |
| 8 | Cục Kiểm định Hải quan | 13.567 | 12.570 | 9.255 | 4.312 | 46,59 | 997 | 7,93 |
| 9 | BQL xây dựng và bảo trì hạ tầng giao thông | 2.868 | 2.211 | 1.968 | 900 | 45,73 | 657 | 29,72 |
| 10 | Ban Nội chính Tỉnh ủy | 2.980 | 2.496 | 2.184 | 796 | 36,45 | 484 | 19,39 |
| 11 | Liên minh hợp tác xã tỉnh | 771 | 630 | 568 | 203 | 35,74 | 141 | 22,38 |
| 12 | Sở Giáo dục và Đào tạo | 5.880 | 5.430 | 4.350 | 1.530 | 35,17 | 450 | 8,29 |
| 13 | Sở Kế hoạch và Ðầu tư | 5.393 | 4.646 | 4.103 | 1.290 | 31,44 | 747 | 16,08 |
| 14 | Ban Tổ chức Tỉnh ủy | 4.800 | 4.440 | 3.792 | 1.008 | 26,58 | 360 | 8,11 |
| 15 | Ủy ban Mặt trận tổ quốc tỉnh | 1.308 | 1.030 | 1.039 | 269 | 25,89 | 278 | 26,99 |
| 16 | Sở Tài Nguyên Và Môi Trường | 5.400 | 4.440 | 4.380 | 1.020 | 23,29 | 960 | 21,62 |
| 17 | Ban Dân tộc tỉnh | 2.621 | 1.962 | 2.129 | 492 | 23,11 | 659 | 33,59 |
| 18 | BQL Khu Kinh Tế CK Đồng Đăng - Lạng Sơn | 2.753 | 2.113 | 2.246 | 507 | 22,57 | 640 | 30,29 |
| 19 | Văn phòng ủy ban nhân dân tỉnh | 18.959 | 15.674 | 15.481 | 3.478 | 22,47 | 3.285 | 20,96 |
| 20 | Sở Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn | 4.130 | 2.760 | 3.414 | 716 | 20,97 | 1.370 | 49,64 |
| 21 | Bảo tàng tỉnh | 1.867 | 1.877 | 1.546 | 321 | 20,76 | -10 | (0,53) |
| 22 | Sở Xây dựng | 5.305 | 4.101 | 4.447 | 858 | 19,29 | 1.204 | 29,36 |
| 23 | Cục Quản Lý Thị Trường Tỉnh | 3.120 | 2.857 | 2.640 | 480 | 18,18 | 263 | 9,21 |
| 24 | Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh | 6.886 | 4.859 | 5.968 | 918 | 15,38 | 2.027 | 41,72 |
| 25 | Thanh Tra Tỉnh | 3.460 | 3.362 | 3.018 | 442 | 14,65 | 98 | 2,91 |
| 26 | Sở Công Thương | 2.542 | 2.569 | 2.239 | 303 | 13,53 | -27 | (1,05) |
| 27 | Bảo hiểm xã hội tỉnh | 15.461 | 12.246 | 13.703 | 1.758 | 12,83 | 3.215 | 26,25 |
| 28 | Văn Phòng Tỉnh Ủy | 12.685 | 23.432 | 11.261 | 1.424 | 12,65 | -10.747 | (45,86) |
| 29 | Sở Thông Tin Và Truyền Thông | 18.866 | 18.752 | 16.933 | 1.933 | 11,42 | 114 | 0,61 |
| 30 | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội | 4.009 | 3.077 | 3.621 | 388 | 10,72 | 932 | 30,29 |
| 31 | Sở Ngoại Vụ | 2.065 | 1.815 | 1.884 | 181 | 9,61 | 250 | 13,77 |
| 32 | Sở Tư pháp | 2.625 | 2.418 | 2.440 | 185 | 7,58 | 207 | 8,56 |
| 33 | Liên đoàn Lao động tỉnh | 2.716 | 2.301 | 2.549 | 167 | 6,55 | 415 | 18,04 |
| 34 | VP Điều Phối Chương trình XD NTM tỉnh | 1.186 | 1.057 | 1.121 | 65 | 5,80 | 129 | 12,20 |
| 35 | Báo Lạng Sơn | 3.152 | 2.612 | 3.062 | 90 | 2,94 | 540 | 20,67 |
| 36 | Ban Tuyên Giáo Tỉnh Ủy | 2.426 | 1.940 | 2.363 | 63 | 2,67 | 486 | 25,05 |
| 37 | Cục Thi Hành Án Dân Sự Tỉnh | 1.378 | 1.162 | 1.348 | 30 | 2,23 | 216 | 18,59 |
| 38 | Sở Y Tế | 3.842 | 3.112 | 3.808 | 34 | 0,89 | 730 | 23,46 |
| 39 | Tòa án nhân dân tỉnh | 5.328 | 4.378 | 5.335 | -7 | (0,13) | 950 | 21,70 |
| 40 | Sở Khoa học & Công nghệ | 2.624 | 2.275 | 2.628 | -4 | (0,15) | 349 | 15,34 |
| 41 | Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh | 14.720 | 12.964 | 15.090 | -370 | (2,45) | 1.756 | 13,55 |
| 42 | Kho bạc Nhà nước Lạng Sơn | 12.300 | 12.100 | 12.700 | -400 | (3,15) | 200 | 1,65 |
| 43 | Thông tấn xã Việt nam | 292 | 289 | 312 | -20 | (6,41) | 3 | 1,04 |
| 44 | Cục thống kê tỉnh | 3.519 | 3.370 | 3.765 | -246 | (6,53) | 149 | 4,42 |
| 45 | Thư viện tỉnh | 1.704 | 1.264 | 1.923 | -219 | (11,39) | 440 | 34,81 |
| 46 | Cục Hải Quan tỉnh | 48.753 | 38.033 | 56.791 | -8.038 | (14,15) | 10.720 | 28,19 |
| 47 | Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh | 1.079 | 921 | 1.301 | -222 | (17,06) | 158 | 17,16 |
| 48 | Tỉnh Đoàn Lạng Sơn | 1.672 | 1.253 | 2.085 | -413 | (19,81) | 419 | 33,44 |
| 49 | Sở Giao thông Vận tải | 3.199 | 3.799 | 4.250 | -1.051 | (24,73) | -600 | (15,79) |
| 50 | BQL dự án đầu tư xây dựng tỉnh | 4.482 | 5.697 | 6.166 | -1.684 | (27,31) | -1.215 | (21,33) |
| 51 | Sở nội vụ tỉnh Lạng Sơn | 3.409 | 3.884 | 5.099 | -1.690 | (33,14) | -475 | (12,23) |
| 52 | VP Đoàn đại biểu Quốc hội và HĐND Tỉnh | 8.125 | 6.717 | 13.056 | -4.931 | (37,77) | 1.408 | 20,96 |